

UBND TỈNH ĐẮK LẮK  
**SỞ NỘI VỤ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 495/SNV-CCVC

Đắk Lắk, ngày 21 tháng 4 năm 2017

V/v góp ý dự thảo Nghị định về  
vị trí việc làm và số lượng người  
làm việc trong đơn vị sự nghiệp  
công lập.

Kính gửi:

- Các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 2744/UBND-TH ngày 18/4/2017 về việc góp ý dự thảo Nghị định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Để có cơ sở tổng hợp, góp ý Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ đề nghị các cơ quan, đơn vị nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập đăng tải tại Mục Thông báo, Trang thông tin điện tử Sở Nội vụ: <http://sonoivu.daklak.gov.vn/> để có ý kiến góp ý.

Văn bản góp ý nội dung dự thảo Nghị định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập gửi về Sở Nội vụ, số 10 Lý Thái Tổ, thành phố Buôn Ma Thuột trước ngày 26/4/2017.

Nhận được công văn này đề nghị các cơ quan, đơn vị quan tâm, triển khai thực hiện. / *kk*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Trang Thông tin điện tử Sở Nội vụ; ✓
- Lưu VT, CCVC.



Miên Klong

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2744/UBND-TH

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 4 năm 2017

V/v góp ý dự thảo Nghị định về  
vị trí việc làm và số lượng người  
làm việc trong đơn vị sự nghiệp  
công lập

**HỎA TỐC**

SỞ NỘI VỤ TỈNH ĐẮK LẮK	
Số: 3536	
ĐẾN Ngày: 13/4/17	
Chuyên	

Kính gửi: Sở Nội vụ

Thực hiện Công văn số 1884/BNV-CCVC ngày 10/4/2017 của Bộ Nội vụ, về việc góp ý dự thảo Nghị định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, qua xem xét, UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị định được ban hành kèm theo Công văn số 1884/BNV-CCVC (có phôi Công văn và chuyên dự thảo kèm theo), có ý kiến góp ý gửi về Bộ Nội vụ theo thời gian quy định.

Nhận được Công văn này, Sở Nội vụ triển khai thực hiện. /s/

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (Ph 7b)

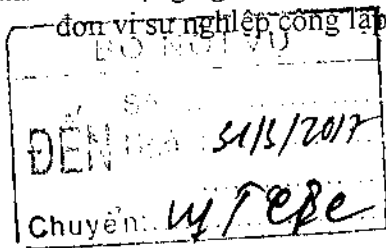
**TL. CHỦ TỊCH  
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nay Nguyễn

Số: 2938 /VPCP-TCCV  
V/v Dự thảo Nghị định về vị trí việc  
làm và số lượng người làm việc trong

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2017



Kính gửi: Bộ Nội vụ.

Về Tờ trình số 1221/TTr-BNV ngày 06 tháng 3 năm 2017 của Bộ Nội vụ về Dự thảo Nghị định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa Bình có ý kiến như sau:

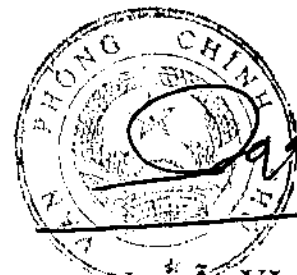
Bộ Nội vụ lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong đó lưu ý các Bộ, cơ quan: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam và một số địa phương; tiếp thu, giải trình, hoàn chỉnh Dự thảo Nghị định, báo cáo Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ xin ý kiến trước khi trình Chính phủ trong tháng 4 năm 2017.

Văn phòng Chính phủ thông báo để Bộ Nội vụ biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTg, Phó TTg Trương Hòa Bình, Phó TTg Vũ Đức Đam;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Văn Tùng, Trợ lý TTg; các Vụ: PL, KTTH, KGVX; Cục KSTT;
- Lưu: VT, TCCV(3) H.Anh 8

KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM  
PHÓ CHỦ NHIỆM



Nguyễn Văn Tùng

*Đã nhận  
31/3/17  
3*

*7/1/17*

**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2017/NĐ-CP  
**Dự thảo**

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

**NGHỊ ĐỊNH**  
**về vị trí việc làm và số lượng người làm việc**  
**trong đơn vị sự nghiệp công lập**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,*

*Chính phủ ban hành Nghị định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Nghị định này không điều chỉnh đối với các vị trí việc làm gắn với các chức danh, chức vụ quy định là công chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ công, phục vụ quản lý nhà nước.

**Điều 3. Nguyên tắc xác định và quản lý vị trí việc làm**

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý viên chức.

2. Vị trí việc làm được xác định và điều chỉnh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Vị trí việc làm phải gắn với chức danh nghề nghiệp, chức vụ quản lý tương ứng.

4. Bảo đảm tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch và phù hợp với thực tiễn.

#### **Điều 4. Nguyên tắc xác định và quản lý số lượng người làm việc**

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng số lượng người làm việc và quy định của cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Bảo đảm một người làm việc phải có đủ khối lượng công việc để thực hiện theo thời gian làm việc do pháp luật quy định. Những vị trí việc làm không có đủ khối lượng để thực hiện theo thời gian quy định của một người làm việc thì phải bố trí kiêm nhiệm.

3. Bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa tuyển dụng, sử dụng với quản lý số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Kết hợp giữa quản lý số lượng người làm việc với tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm của công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và tinh giản biên chế.

#### **Điều 5. Căn cứ xác định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc**

1. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập;

2. Danh mục vị trí việc làm và bản mô tả công việc tại từng vị trí việc làm;

3. Định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

4. Nhu cầu công việc của đơn vị sự nghiệp công lập; khối lượng công việc thực tế tại từng vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập;

5. Phạm vi, đối tượng phục vụ; quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của luật chuyên ngành và quy định của cơ quan có thẩm quyền;

6. Mức độ hiện đại hóa công sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin;

7. Tính chất, đặc điểm, mức độ phức tạp của công việc;

8. Thực tế tình hình quản lý, sử dụng số lượng người làm việc được giao của đơn vị.

## **Chương II**

### **VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

#### **Điều 6. Vị trí việc làm và phân loại vị trí việc làm**

1. Vị trí việc làm là công việc hoặc nhiệm vụ gắn với chức danh nghề nghiệp hoặc chức vụ quản lý tương ứng; là căn cứ xác định số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức để thực hiện tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Vị trí việc làm được phân loại như sau:

- a) Vị trí việc làm do một người đảm nhận;
- b) Vị trí việc làm do nhiều người đảm nhận;
- c) Vị trí việc làm kiêm nhiệm.

#### **Điều 7. Phương pháp xác định vị trí việc làm**

1. Việc xác định vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo phương pháp tổng hợp.

2. Xác định vị trí việc làm được thực hiện trên cơ sở kết hợp giữa việc phân tích tổ chức, phân tích công việc với thống kê, đánh giá thực trạng số lượng người làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập và được thực hiện theo các bước sau:

a) Bước 1: Thống kê công việc của cá nhân, tổ chức, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập theo Biểu số 1A, Biểu số 1B kèm theo Nghị định này;

b) Bước 2: Phân nhóm công việc theo Biểu số 2 kèm theo Nghị định này;

c) Bước 3: Xác định các yếu tố ảnh hưởng theo Biểu số 3 kèm theo Nghị định này;

d) Bước 4: Thống kê, đánh giá thực trạng về chất lượng công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Biểu số 4 kèm theo Nghị định này;

đ) Bước 5: Xác định danh mục vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập theo Biểu số 5 kèm theo Nghị định này;

e) Bước 6: Xây dựng bản mô tả công việc của từng vị trí việc làm theo Biểu số 6 kèm theo Nghị định này;

g) Bước 7: Xây dựng khung năng lực của từng vị trí việc làm theo Biểu số 7 kèm theo Nghị định này;

h) Bước 8: Xác định chức danh nghề nghiệp của từng vị trí việc làm được thể hiện ở cột 4, cột 5, cột 6 của Biểu số 5.

### **Điều 8. Nội dung quản lý vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp**

1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về vị trí việc làm.
2. Xác định vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực, chức danh nghề nghiệp tương ứng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập.
3. Quyết định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.
4. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.
5. Thống kê, tổng hợp và báo cáo về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.
6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý những vi phạm về quản lý vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

### **Điều 9. Xây dựng đề án vị trí việc làm**

1. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (sau đây gọi chung là đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ) có trách nhiệm:

a) Xây dựng đề án vị trí việc làm, trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 19, Điều 21 của Nghị định này

b) Khi có thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức thì xây dựng đề án điều chỉnh vị trí việc làm, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm về chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (sau đây gọi chung là đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ), người đứng đầu đơn vị có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo việc xây dựng đề án vị trí việc làm theo quy định;

b) Trình Hội đồng quản lý phê duyệt đề án vị trí việc làm; danh mục vị trí việc làm; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị.

c) Trên cơ sở phê duyệt của Hội đồng quản lý, quyết định danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc của đơn vị.

#### **Điều 10. Thẩm định đề án vị trí việc làm**

1. Vụ (Ban) Tổ chức cán bộ thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là Bộ) có trách nhiệm:

a) Thẩm định, trình Bộ trưởng: Phê duyệt đề án vị trí việc làm; quyết định danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ thuộc Bộ; tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

b) Tổng hợp danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ.

2. Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) có trách nhiệm:

a) Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Phê duyệt đề án vị trí việc làm và quyết định danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thuộc Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện); tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

b) Tổng hợp danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

3. Phòng tổ chức cán bộ hoặc tổ chức được giao nhiệm vụ về tổ chức cán bộ của đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ có trách nhiệm: Thẩm định, trình người đứng đầu đơn vị để trình Hội đồng quản lý phê duyệt đề án vị trí việc làm, quyết định danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị; tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

4. Nội dung thẩm định:

a) Hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định vị trí việc làm theo quy định;



b) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý của việc xây dựng đề án;

c) Danh mục vị trí việc làm và bản mô tả công việc, khung năng lực, chức danh nghề nghiệp tương ứng và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp;

d) Điều kiện bảo đảm thực hiện sau khi đề án được phê duyệt.

5. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan, tổ chức được giao trách nhiệm thẩm định đề án vị trí việc làm theo quy định tại Điều này phải hoàn thành việc thẩm định để trình cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp cơ quan hoặc người có thẩm quyền thẩm định không đồng ý thì thông báo bằng văn bản cho đơn vị sự nghiệp công lập đề nghị biết rõ lý do.

### **Điều 11. Hồ sơ trình đề án vị trí việc làm**

1. Hồ sơ, bao gồm:

a) Tờ trình, trong đó có báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của các tổ chức liên quan;

b) Đề án vị trí việc làm;

c) Văn bản tham gia ý kiến của các tổ chức liên quan;

đ) Bản sao quyết định về việc thành lập; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Các văn bản có liên quan đến việc xây dựng đề án.

2. Vụ (Ban) Tổ chức cán bộ hoặc Sở Nội vụ tiếp nhận và thẩm định hồ sơ đề án vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ.

3. Các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ thuộc các cơ quan, tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao gửi hồ sơ trình đề án vị trí việc làm về cơ quan, tổ chức theo quy định của cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và của người đứng đầu các cơ quan: Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao.

### **Điều 12. Điều chỉnh vị trí việc làm**

1. Việc điều chỉnh vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập được bổ sung, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập được tổ chức lại hoặc giải thể.

2. Trình tự, thủ tục điều chỉnh vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 09, Điều 10 và Điều 11 của Nghị định này.

3. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập mới theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì danh mục vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp phải được xác định ngay từ khi xây dựng đề án thành lập và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong quyết định thành lập.

### **Chương III**

## **SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC**

### **TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

#### **Điều 13. Nội dung quản lý số lượng người làm việc**

1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về số lượng người làm việc.
2. Lập kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm, kế hoạch điều chỉnh số lượng người làm việc hàng năm.
3. Quyết định số lượng người làm việc; phân bổ, sử dụng số lượng người làm việc.
4. Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng số lượng người làm việc.
5. Thống kê, tổng hợp và báo cáo về số lượng người làm việc.

#### **Điều 14. Lập kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm**

1. Bộ, tỉnh có trách nhiệm:

Lập kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ và tổng hợp về số lượng người làm việc hàng năm trong các đơn vị sự nghiệp công lập gửi Bộ Nội vụ theo quy định tại Nghị định này.

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ có trách nhiệm lập kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm theo quy định tại Nghị định này.

3. Cơ sở lập kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm: Các Bộ, tỉnh, cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ quy định tại Điều

4, Điều 5 của Nghị định này để lập kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm của đơn vị mình.

#### **Điều 15. Nội dung kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm**

1. Kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm của đơn vị sự nghiệp công lập theo Biểu số 8A, Biểu số 8B kèm theo tại Nghị định này.

2. Báo cáo kết quả tinh giản biên chế, nghỉ hưu đúng tuổi, thôi việc theo quy định của pháp luật của năm trước liền kề và dự kiến tinh giản biên chế, nghỉ hưu đúng tuổi, thôi việc theo quy định của pháp luật của năm kế hoạch.

3. Báo cáo kết quả về số lượng đơn vị và số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ chuyển sang tự chủ của năm trước liền kề; dự kiến số lượng đơn vị và số lượng người làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ sẽ chuyển sang tự chủ của năm kế hoạch theo Biểu số 9A, Biểu số 9B tại Nghị định này.

4. Giải pháp thực hiện kế hoạch số lượng người làm việc, dự kiến nguồn bổ sung, thay thế và thực hiện tinh giản biên chế.

#### **Điều 16. Hồ sơ kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm**

1. Văn bản đề nghị phê duyệt kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị ký.

2. Biểu số 8A, Biểu số 8B, Biểu số 9A, Biểu số 9B quy định tại Nghị định này.

3. Các văn bản liên quan đến lập kế hoạch số lượng người làm việc.

#### **Điều 17. Thời gian gửi kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm**

1. Chậm nhất là ngày 20 tháng 7 hàng năm, Bộ, tỉnh gửi kế hoạch số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ của năm tiếp theo về Bộ Nội vụ theo quy định.

2. Sau thời gian nêu trên, các Bộ, tỉnh không gửi kế hoạch số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định, sẽ cắt giảm 3,0% so với tổng số lượng người làm việc được giao của năm 2015.

#### **Điều 18. Điều chỉnh số lượng người làm việc hàng năm**

1. Căn cứ điều chỉnh số lượng người làm việc:

a) Thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

b) Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Hồ sơ điều chỉnh số lượng người làm việc:

a) Các Bộ, tỉnh lập hồ sơ điều chỉnh số lượng người làm việc gửi Bộ Nội vụ để giải quyết theo thẩm quyền.

b) Hồ sơ điều chỉnh số lượng người làm việc, bao gồm:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh số lượng người làm việc (kèm theo giải trình, thuyết minh);

- Đề án điều chỉnh số lượng người làm việc;

- Các tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh số lượng người làm việc kèm theo.

c) Văn bản đề nghị điều chỉnh số lượng người làm việc do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị ký và phải có những nội dung chủ yếu sau:

- Sự cần thiết và căn cứ của việc điều chỉnh số lượng người làm việc;

- Nội dung chính của đề án điều chỉnh số lượng người làm việc;

- Kiến nghị, đề xuất.

#### **Chương IV**

### **TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ SỐ LƯỢNG LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

**Điều 19. Trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập**

1. Trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ

a) Ban hành văn bản hướng dẫn về danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý;

b) Ban hành văn bản hướng dẫn về định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ.

Việc ban hành các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều này phải được hoàn thành trong năm 2017.

2. Trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập

a) Ban hành các quyết định:

- Phê duyệt đề án vị trí việc làm; danh mục vị trí việc làm; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của Nghị định này.

- Giao, điều chỉnh số lượng người làm việc đối với các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ thuộc thẩm quyền quản lý trong phạm vi số lượng người làm việc được cơ quan có thẩm quyền giao hàng năm.

b) Quản lý, sử dụng 10% số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ chuyển sang tự chủ của năm trước liền kề.

c) Bị xem xét xử lý trách nhiệm về mặt đảng, chính quyền; đưa vào xem xét phân loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm khi thực hiện không đúng quy định về quản lý, sử dụng số lượng người làm việc; đồng thời phải bồi hoàn số kinh phí đã chi trả đối với số người làm việc tự quyết định vượt so với số lượng người làm việc được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc thực hiện không đúng đối tượng, không đúng quy định về quản lý, sử dụng số lượng người làm việc.

d) Tổng hợp danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý.

đ) Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định về quản lý, sử dụng vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý.

e) Thống kê, tổng hợp, báo cáo về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo Biểu số 10A tại Nghị định này, gửi Bộ Nội vụ chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 năm sau liền kề để tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Nếu Bộ không gửi báo cáo theo quy định, sẽ cắt giảm 1,5% so với tổng số lượng người làm việc được giao của năm 2015.

g) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý những vi phạm về quản lý, sử dụng vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

**Điều 20. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

1. Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và căn cứ số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ đã được cấp có thẩm quyền giao và 10% số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ chuyển sang tự chủ của năm trước liền kề, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ của địa phương.

2. Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt tổng số lượng người làm việc vượt tổng số lượng người làm việc được cơ quan có thẩm quyền giao thì Chủ tịch Hội đồng nhân dân phải bị xem xét xử lý về mặt đảng, chính quyền.

**Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân

a) Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ trong tổng số lượng người làm việc đã được cấp có thẩm quyền giao và 10% số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ chuyển sang tự chủ của năm trước liền kề; tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

b) Phân cấp hoặc ủy quyền quản lý, sử dụng vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thuộc Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định về quản lý, sử dụng vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh.

d) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý những vi phạm về quản lý vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

a) Ban hành các quyết định:

- Phê duyệt đề án vị trí việc làm; đề án điều chỉnh vị trí việc làm; danh mục vị trí việc làm; điều chỉnh danh mục vị trí việc làm; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ theo quy định của pháp luật.

- Giao, điều chỉnh số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thuộc Sở, ban và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi số lượng người làm việc được cơ quan có thẩm quyền giao sau khi Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

b) Bị xem xét xử lý trách nhiệm về mặt đảng, chính quyền; đưa vào xem xét phân loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm khi thực hiện không đúng quy định về quản lý, sử dụng số lượng người làm việc; đồng thời phải bồi hoàn số kinh phí đã chi trả đối với số người làm việc tự quyết định vượt so với số lượng người làm việc được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc thực hiện không đúng đối tượng, không đúng quy định về quản lý, sử dụng số lượng người làm việc.

c) Thống kê, tổng hợp, báo cáo về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh theo Biểu số 10B tại Nghị định này gửi về Bộ Nội vụ chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 năm sau liền kề để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Nếu tỉnh không gửi báo cáo theo quy định, sẽ cắt giảm 1,5% so với tổng số lượng người làm việc được giao của năm 2015.

## **Điều 22. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Nội vụ**

1. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Thẩm định, tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định số lượng người làm việc tăng thêm so với tổng số lượng người làm việc năm 2015 đã được cấp có thẩm quyền giao trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ của Bộ, tỉnh; quyết định giao số lượng người làm việc tăng thêm so với năm 2015 của Bộ, tỉnh sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Trước ngày 15 tháng 9 hàng năm, quyết định giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ của năm kế hoạch đối với Bộ, tỉnh trên cơ sở số lượng người làm việc năm 2015 được cơ quan có thẩm quyền giao và số lượng người làm việc tăng thêm do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4. Thống kê, tổng hợp vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của cả nước; báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền.

5. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quản lý, sử dụng vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của cả nước.

6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý những vi phạm về quản lý vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

### **Điều 23. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Tài chính**

1. Bố trí kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm theo số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

2. Xuất toán số kinh phí của các Bộ, ngành, địa phương, đơn vị sự nghiệp công lập đã chi trả cho số lượng người làm việc thực hiện lớn hơn so với tổng số lượng người làm việc được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc thực hiện không đúng đối tượng, không đúng quy định về quản lý, sử dụng số lượng người làm việc.

### **Điều 24. Trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập**

1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ:

a) Trình cấp có thẩm quyền: Phê duyệt đề án vị trí việc làm; quyết định danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

b) Lập Kế hoạch số lượng người làm việc, kế hoạch điều chỉnh số lượng người làm việc hàng năm, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

c) Bị xem xét xử lý trách nhiệm về mặt đảng, chính quyền; đưa vào xem xét phân loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm khi thực hiện không đúng quy định về quản lý, sử dụng số lượng người làm việc; đồng thời phải bồi hoàn số kinh phí đã chi trả đối với số người làm việc tự quyết định vượt so với số lượng người làm việc được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc thực hiện không đúng đối tượng, không đúng quy định về quản lý, sử dụng số lượng người làm việc.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ:



a) Trình Hội đồng quản lý phê duyệt đề án vị trí việc làm; danh mục vị trí việc làm; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc của đơn vị.

b) Trên cơ sở phê duyệt của Hội đồng quản lý, quyết định: Danh mục vị trí việc làm; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc của đơn vị phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao trên cơ sở bảo đảm việc làm ổn định và thu nhập cho số lượng người làm việc tăng thêm.

c) Thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng số lượng người làm việc, danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và không trình cơ quan có thẩm quyền về việc đưa đơn vị mình trở lại thành đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ.

d) Bị xử lý trách nhiệm về mặt đảng, chính quyền; đưa vào phân loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm khi quyết định không đúng quy định của pháp luật về số lượng người làm việc; chịu trách nhiệm bồi hoàn kinh phí đã chi trả đối với số lượng người làm việc sử dụng không đúng quy định.

3. Hàng năm, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp về tình hình thực hiện quản lý, sử dụng vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc theo quy định của pháp luật.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 25. Áp dụng quy định của Nghị định này đối với các đối tượng khác**

Các đơn vị sự nghiệp thuộc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các đơn vị sự nghiệp thuộc tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được áp dụng các quy định của Nghị định này trong việc xác định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc theo quy định của cơ quan, tổ chức nhà nước có thẩm quyền, của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

**Điều 26. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

2. Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập hết hiệu lực kể từ ngày Nghị này có hiệu lực.

## **Điều 27. Trách nhiệm thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, ..... XH

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Xuân Phúc**

Số: /TTr - BNV

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2017

**TỜ TRÌNH****Về việc ban hành Nghị định về vị trí việc làm và số lượng người làm  
việc trong đơn vị sự nghiệp công lập**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9/2016 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 89/NQ-CP) và ý kiến của Thủ tướng Chính phủ đồng ý xây dựng dự thảo Nghị định theo trình tự, thủ tục rút gọn (tại công văn số 11410/VPCP-TCCV ngày 30/12/2016 của Văn phòng Chính phủ), Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, các cơ quan liên quan và các địa phương xây dựng dự thảo Nghị định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định) để thay thế Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là Nghị định số 41/2012/NĐ-CP). Sau khi tiếp thu ý kiến của Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Quốc hội, các Bộ, cơ quan, địa phương và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ hoàn chỉnh dự thảo Nghị định, trình Chính phủ xem xét, ban hành, cụ thể như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH****1. Sự cần thiết**

Nghị định số 41/2012/NĐ-CP được ban hành ngày 08/5/2012 và có hiệu lực ngày 25/6/2012, là cơ sở pháp lý để các Bộ, cơ quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành xây dựng vị trí việc làm, xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý, góp phần đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Tuy đạt được kết quả tích cực, nhưng trong quá trình thực hiện, Nghị định số 41/2012/NĐ-CP đã bộc lộ những mặt hạn chế, cụ thể như sau:

- Đặc điểm, tính chất của các ngành, lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công lập là rất đa dạng phức tạp, hiện cả nước có khoảng 60 nghìn đơn vị sự nghiệp công lập được tổ chức ở các vùng, miền khác nhau do các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương và địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện) thành lập. Theo

đó, việc quy định Bộ Nội vụ có nhiệm vụ và trách nhiệm quyết định về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập như quy định tại Nghị định số 41/2012/NĐ-CP là chưa phù hợp với thực tế dẫn đến triển khai chậm, không khả thi. Do đó, cần sửa đổi theo hướng đẩy mạnh phân cấp và giao trách nhiệm cho các cơ quan có thẩm quyền thành lập và quản lý đơn vị sự nghiệp công lập chủ động thực hiện nhiệm vụ này; Bộ Nội vụ chỉ quản lý về tiêu chuẩn, điều kiện thành lập đơn vị sự nghiệp công lập và tổng số lượng người làm việc (biên chế sự nghiệp) của các Bộ, ngành, địa phương.

- Nhiều nội dung quy định tại Nghị định số 41/2012/NĐ-CP chưa rõ, nhất là quy định về thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trong việc hướng dẫn, xác định, quản lý, sử dụng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, như: Lập kế hoạch, thẩm định, phê duyệt, quyết định số lượng người làm việc hàng năm; thống kê, tổng hợp, báo cáo và chế tài xử lý trong quản lý, sử dụng số lượng người làm việc.

- Sau khi Nghị định số 41/2012/NĐ-CP có hiệu lực, đến nay đã có nhiều chủ trương mới của Đảng, quy định của pháp luật về tinh giản biên chế và quản lý số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập cần cụ thể hóa. Theo đó, cần phải sửa đổi, bổ sung Nghị định số 41/2012/NĐ-CP cho phù hợp, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ trong quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập.

Từ những hạn chế nêu trên, việc ban hành Nghị định mới thay thế Nghị định số 41/2012/NĐ-CP là cần thiết.

## **2. Về căn cứ ban hành nghị định**

### **a) Về quan điểm, chủ trương của Đảng**

- Quy định về quản lý biên chế thống nhất trong hệ thống chính trị ban hành kèm theo Quyết định số 253-QĐ/TW ngày 21/7/2014 của Bộ Chính trị (sau đây gọi tắt là Quyết định số 253-QĐ/TW), đã chỉ đạo: Quản lý biên chế phải bao gồm các nội dung: Quyết định tổng biên chế, kế hoạch sử dụng biên chế, kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về quản lý biên chế (Khoản 2 Điều 1) và biên chế trong hệ thống chính trị, gồm: Cán bộ, công chức (theo quy định của Luật Cán bộ, công chức năm 2008); viên chức (theo quy định của Luật Viên chức năm 2010) và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố được hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước (Khoản 3 Điều 1).

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (sau đây

gọi tắt là Nghị quyết số 39-NQ/TW), đã chỉ đạo: Kiên trì thực hiện chủ trương tinh giản biên chế cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm không tăng tổng biên chế của cả hệ thống chính trị. Trường hợp phải thành lập tổ chức mới hoặc được giao nhiệm vụ mới thì các cơ quan tổ chức, đơn vị tự cân đối, điều chỉnh trong tổng số biên chế hiện có. Đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo, thành lập mới trường, tăng lớp, tăng học sinh; lĩnh vực y tế thành lập mới tổ chức, tăng quy mô giường bệnh... thì có thể bổ sung biên chế phù hợp, nhưng phải quản lý chặt chẽ (Điểm b Khoản 2 Mục III).

b) Về quy định của pháp luật

- Hiến pháp năm 2013 quy định: Chính phủ thống nhất quản lý nền hành chính quốc gia; thực hiện quản lý về cán bộ, công chức, viên chức và công vụ trong các cơ quan nhà nước (Khoản 5 Điều 96).

- Luật Cán bộ, công chức năm 2008 quy định: Người được tuyển dụng, bổ nhiệm vào chức vụ, chức danh trong bộ máy lãnh đạo, quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập là công chức (Khoản 2 Điều 4).

- Luật Viên chức năm 2010 quy định: Chính phủ quy định nguyên tắc, phương pháp xác định vị trí việc làm, thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định số lượng vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập (Khoản 2 Điều 7 và Khoản 1 Điều 9).

- Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 quy định: Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về cán bộ, công chức, viên chức và công vụ trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập từ trung ương đến địa phương (Khoản 4 Điều 23).

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định biên chế công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh theo chỉ tiêu biên chế được Chính phủ giao (Điểm đ Khoản 2 Điều 19 và Khoản 1 Điều 40).

- Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 123/2016/NĐ-CP) quy định: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ hướng dẫn danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý (Khoản 7 Điều 13); quyết định danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng viên chức trong tổng số viên chức được giao của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ theo quy định của pháp luật (Khoản 8 Điều 13).

- Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW quy

- Về hồ sơ, dự thảo Nghị định thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý (tại công văn số 11410/VPCP-TCCV ngày 30/12/2016 của Văn phòng Chính phủ), gồm: Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định.

## **II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

Dự thảo Nghị định được xây dựng theo 3 quan điểm sau:

1. Thể chế hóa các quan điểm, chủ trương mới của Đảng về chính sách tinh giản biên chế và quản lý số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; đồng thời đẩy mạnh phân cấp, giao quyền tự chủ cho người đứng đầu các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương và đơn vị sự nghiệp công lập trong việc quyết định về vị trí việc làm, xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Quy định cụ thể cơ chế sử dụng số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ để khuyến khích, thúc đẩy các đơn vị sự nghiệp công lập đang sử dụng ngân sách nhà nước chuyển sang thực hiện cơ chế tự chủ.

3. Quy định cụ thể về chế tài xử lý đối với các tổ chức, cá nhân không thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản lý số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

## **III. NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Về tên gọi dự thảo Nghị định**

Tại Nghị quyết số 89/NQ-CP đã giao Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan, địa phương và căn cứ nội dung của dự thảo Nghị định, Bộ Nội vụ đề nghị xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 41/2012/NĐ-CP với tên gọi là Nghị định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, vì dự thảo Nghị định có sửa đổi 14/20 điều và bổ sung 7 điều mới so với Nghị định số 41/2012/NĐ-CP; quy định mới 1 chương về quản lý số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; đồng thời có thay đổi về kết cấu và sắp xếp lại thứ tự các điều của Nghị định cho phù hợp.

### **2. Về kết cấu dự thảo Nghị định**

Kết cấu dự thảo Nghị định gồm 5 chương và 27 điều, tăng 1 chương và 7 điều so với Nghị định số 41/2012/NĐ-CP, cụ thể như sau:

Chương I. Những quy định chung, gồm: 5 điều (từ Điều 1 đến Điều 5).

ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quyết định 3 nội dung: Danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ thuộc thẩm quyền quản lý. Trường hợp số lượng người làm việc tăng thêm so với tổng số lượng người làm việc của năm 2015 đã được cấp có thẩm quyền giao thì Bộ trưởng Bộ Nội vụ có trách nhiệm thẩm định, tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

+ Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (sau đây gọi tắt là đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ): Quy định rõ người đứng đầu đơn vị được quyết định cả 3 nội dung: Danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc của đơn vị mình phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao trên cơ sở bảo đảm việc làm ổn định và thu nhập cho số lượng người làm việc tăng thêm. Đồng thời, bổ sung quy định: Các Bộ, ngành, địa phương được chủ động sử dụng 10% số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập đã chuyển sang tự chủ để khuyến khích các Bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa, chuyển các đơn vị sự nghiệp công lập có nguồn thu sự nghiệp sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm để thay thế nguồn trả lương từ ngân sách nhà nước bằng việc trả lương từ nguồn sự nghiệp (Các Bộ, ngành, địa phương được giữ lại 10% số lượng người làm việc để lập biên chế dự phòng, chủ động bố trí số lượng người làm việc tăng thêm khi thành lập mới tổ chức, bổ sung nhiệm vụ mới, không cần báo cáo Bộ Nội vụ xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ).

- Quy định rõ trách nhiệm thực hiện tinh giản biên chế trong các đơn vị sự nghiệp công lập và chế tài trong việc quản lý, sử dụng số lượng người làm việc; đồng thời quy định các biểu mẫu cần thiết tại Nghị định để các Bộ, ngành, địa phương thực hiện được ngay mà không cần phải ban hành Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

#### **IV. TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP**

Căn cứ báo cáo thẩm định số 43/BC-BTP ngày 17/02/2017 của Bộ Tư pháp (kèm theo), Bộ Nội vụ xin được tiếp thu, giải trình như sau:

##### **1. Những nội dung tiếp thu:**

###### **a). Về đối tượng áp dụng**

- Bộ Tư pháp cho rằng: Nghị định số 41/2012/NĐ-CP điều chỉnh đối với tất cả các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện. Do vậy, nếu dự thảo Nghị định này giới hạn phạm vi điều chỉnh chỉ đối với các đơn

- Bộ Nội vụ xin tiếp thu và đã bỏ quy định này trong dự thảo Nghị định (Điều 3).

d) Về căn cứ xác định vị trí việc làm và số lượng người làm việc

- Bộ Tư pháp cho rằng: Việc quy định các căn cứ làm cơ sở để xác định vị trí việc làm, số lượng người làm việc phải rất cụ thể để tạo thuận lợi cho việc áp dụng và đây cũng là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền thẩm định các đề án vị trí việc làm, cơ cấu, số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập. Tuy nhiên, nội dung này trong dự thảo Nghị định chưa rõ, có những tiêu chí chỉ phù hợp với các đơn vị sự nghiệp ở địa phương, có những tiêu chí chỉ phù hợp với các đơn vị sự nghiệp ở trung ương; đồng thời, đề nghị không lặp lại các căn cứ xác định vị trí việc làm với các căn cứ xác định số lượng người làm việc trong dự thảo Nghị định.

- Về vấn đề này, Bộ Nội vụ có ý kiến giải trình như sau: Các lĩnh vực sự nghiệp là rất đa dạng về loại hình tổ chức và chuyên môn, nghiệp vụ. Do đó, tại dự thảo Nghị định chỉ nên quy định nguyên tắc, phương pháp, căn cứ chung về xác định vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập. Trên cơ sở đó, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực phải ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết các nội dung này đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý là phù hợp với chủ trương đẩy mạnh phân cấp trong việc quản lý, sử dụng vị trí việc làm và xác định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập. Đồng thời, Bộ Nội vụ xin tiếp thu và đã bổ sung 7 biểu mẫu hướng dẫn việc xác định vị trí việc làm kèm theo dự thảo Nghị định.

d) Về xây dựng đề án vị trí việc làm

- Bộ Tư pháp cho rằng: Việc xác định khoảng thời gian ổn định của đề án vị trí việc làm (từ 1-3 năm) là chưa phù hợp, vì vị trí việc làm được xác định trên cơ sở các căn cứ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập, tính chất, đặc điểm, nhu cầu công việc... Trường hợp các căn cứ này có sự thay đổi thì vị trí việc làm cũng phải thay đổi theo mà không phụ thuộc vào thời gian.

- Bộ Nội vụ xin tiếp thu và đã bỏ cụm từ "Đề án vị trí việc làm được phê duyệt ổn định từ 1-3 năm", đồng thời đã chỉnh sửa Khoản 1 Điều 9 của dự thảo Nghị định về xây dựng đề án vị trí việc làm như sau: "Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (sau đây gọi tắt là đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ) có trách nhiệm: Xây dựng đề án vị trí việc làm, trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 19, Điều 21 của Nghị định này; khi có thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức thì xây dựng đề án điều chỉnh vị trí việc làm, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định".



nghiệp. Theo đó, các đơn vị sự nghiệp này có là đối tượng áp dụng của Nghị định hay chỉ được "khuyến nghị áp dụng".

- Về vấn đề này, Bộ Nội vụ có ý kiến giải trình như sau: Điều 25 của Dự thảo Nghị định quy định việc áp dụng Nghị định (khuyến nghị áp dụng) đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các đơn vị sự nghiệp thuộc tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp là phù hợp, vì các đơn vị này không sử dụng ngân sách nhà nước.

## **V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CỦA CHÍNH PHỦ**

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định có một số vấn đề còn ý kiến khác nhau, Bộ Nội vụ báo cáo và xin ý kiến Chính phủ như sau:

### **1. Về quy định các chế tài xử lý trong việc quản lý, sử dụng không đúng quy định về số lượng người làm việc**

- Nhiều ý kiến cho rằng: Do Nghị định số 41/2012/NĐ-CP chưa quy định chế tài xử lý đối với những hành vi vi phạm trong quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc, dẫn đến có nhiều sai phạm nhưng chưa có cơ sở pháp luật để thanh tra, kiểm tra và xử lý. Do vậy, cần quy định cụ thể nội dung này trong dự thảo Nghị định để bảo đảm việc quản lý, sử dụng vị trí việc làm và số lượng người làm việc có hiệu quả và nghiêm minh.

- Bộ Nội vụ thống nhất với ý kiến nêu trên và đề xuất một số quy định tại dự thảo Nghị định về chế tài xử lý đối với các tổ chức, cá nhân khi thực hiện không đúng quy định về quản lý, sử dụng số lượng người làm việc, như: Bị xem xét xử lý trách nhiệm về mặt đảng, chính quyền; đưa vào xem xét phân loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm; đồng thời phải bồi hoàn số kinh phí đã chi trả đối với số người làm việc tự quyết định vượt so với số lượng người làm việc được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc thực hiện không đúng đối tượng, không đúng quy định về quản lý, sử dụng số lượng người làm việc (Điểm c Khoản 2 Điều 19, Khoản 2 Điều 20, Điểm b Khoản 2 Điều 21, Điểm c Khoản 1 và Điểm c Khoản 2 Điều 24).

### **2. Về phân cấp cho các Bộ, ngành, địa phương sử dụng 10% số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ đã chuyển sang tự chủ.**

- Có ý kiến cho rằng: Do chưa có cơ chế khuyến khích đồng bộ nên việc thực hiện chủ trương chuyển các đơn vị sự nghiệp công lập có nguồn thu sự nghiệp sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và xã hội hóa, thay thế nguồn trả lương từ ngân sách nhà nước bằng việc trả lương từ nguồn thu sự nghiệp hiện nay còn chậm. Do vậy, đề nghị dự thảo Nghị định cần có cơ chế khuyến khích về sử dụng biên chế để đẩy nhanh quá trình thực hiện chủ trương này.

- Bộ Nội vụ thống nhất với ý kiến nêu trên và đề xuất phân cấp cho các Bộ, ngành, địa phương được giữ lại 10% trên tổng số lượng người làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước chuyển sang tự chủ, không hưởng lương từ ngân sách nhà nước (chuyển sang là đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên) để lập số lượng người làm việc dự phòng, chủ động bố trí tại các tổ chức thành lập mới, bổ sung nhiệm vụ mới (Điểm b Khoản 2 Điều 19, Khoản 1 Điều 20 và Điểm a Khoản 1 Điều 21).

Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

**BỘ TRƯỞNG**

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp (để biết);
- Bộ trưởng;
- Thứ trưởng Nguyễn Duy Thăng;
- Lưu: VT, TCBC (05b).

**(Đã ký)**

**Lê Vĩnh Tân**

Đơn vị cấp trên trực tiếp: .....

Đơn vị: .....

**Phụ lục số 1A**  
**THỐNG KÊ CÔNG VIỆC CÁ NHÂN**

(Ban hành kèm theo Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ)

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ:

Thâm niên công tác:

Chuyên ngành đào tạo:

Trình độ đào tạo:

Giới tính:

Hệ số lương:

**I. CÔNG VIỆC:**

STT	Nhiệm vụ	Ước tính % thời gian thực hiện nhiệm vụ (nếu có thể)	Đầu ra (sản phẩm) của mỗi nhiệm vụ	Số lượng đầu ra (sản phẩm) trung bình/năm
1	2	3	4	5

**II. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO ĐỂ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC (trang thiết bị, phần mềm quản lý, địa bàn công tác...):**

.....  
.....  
.....  
.....

### III. YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC VÀ PHẨM CHẤT CÁ NHÂN

*Các phẩm chất, trình độ, năng lực cần có để thực hiện tốt các nhiệm vụ của vị trí việc làm đang đảm nhận.*

Phẩm chất cá nhân cần thiết cho vị trí này?

.....

Thời gian, kinh nghiệm công tác cần thiết cho vị trí này?

.....

Các bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn, và kiến thức khác cần thiết cho vị trí công việc này?

.....

Những năng lực cần thiết cho vị trí này? *Đánh dấu những yếu tố quan trọng đối với việc hoàn thành tốt công việc này:*

- Kỹ năng quản lý lãnh đạo
- Xử lý tình huống
- Khả năng phân tích
- Kỹ năng giao tiếp
- Kỹ năng phối hợp
- Sử dụng ngoại ngữ
- Kỹ năng soạn thảo văn bản
- Kỹ năng tin học, máy tính
- Khác (đề nghị ghi rõ).....

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Người kê khai**

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP: ....  
ĐƠN VỊ BẢO CẢO: ....

Biểu số 1B  
**TRƯỜNG KẾ CÔNG VIỆC THEO CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ**  
(Ban hành kèm theo Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ)

Số TT	Tên công việc	Ghi chú (nếu có)
I	2	3
I	Công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	
1	Công việc thứ nhất	
2	Công việc thứ hai	
3	Công việc ....	
....		
II	Công việc hoạt động nghề nghiệp	
1	Công việc ...	
2	Công việc ...	
3	Công việc ....	
III	Công việc hỗ trợ, phục vụ	
1	Công việc ...	
2	Công việc ...	
3	Công việc ....	

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

.... ngày ... tháng ... năm ...  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP: .....**  
**ĐƠN VỊ BẢO CÁO: ....**

**Biên số 2**  
**PHÂN NHÓM CÔNG VIỆC**  
*(Ban hành kèm theo Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ)*

Số TT	Nhóm công việc	Công việc
1	2	3
I	Nhóm công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	Cấp trưởng đơn vị sự nghiệp công lập
1	Nhóm lãnh đạo đơn vị	Cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập
2	Nhóm lãnh đạo các tổ chức trực thuộc	Cấp trưởng tổ chức thuộc và trực thuộc Cấp phó của người đứng đầu tổ chức thuộc và trực thuộc
II	Nhóm công việc hoạt động nghề nghiệp	Công việc ...
1	Nhóm công việc 1	Công việc ...
2	Nhóm công việc 2	Công việc ...
...	...	.....
III	Nhóm công việc hỗ trợ, phục vụ	Công việc ...
1	Nhóm công việc 1	Công việc ...
2	Nhóm công việc 2	Công việc ...
...	.....	.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP: .....**  
**ĐƠN VỊ BẢO CẢO: .....**

**Biểu số 3**  
**CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG**  
*(Ban hành kèm theo Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ)*

Số TT	Các yếu tố ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng			Ghi chú (nếu có)
		Cao	Trung bình	Thấp	
1	2	3	4	5	6
1	Chế độ làm việc;				
2	Phạm vi hoạt động				
3	Tình đa dạng về lĩnh vực hoạt động				
4	Tình chất, đặc điểm của hoạt động nghề nghiệp				
5	Mô hình tổ chức và cơ chế hoạt động				
6	Mức độ hiện đại hóa công sở				
7	Các yếu tố khác (nếu có)				

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP: .....**  
**ĐƠN VỊ BẢO CÁO: .....**

**Biên số 4**

**THÔNG KÊ THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ VIÊN CHỨC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

Tính đến ngày .....

(Ban hành kèm theo Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ)

Số TT	Đơn vị / Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Các nhiệm vụ đang đảm nhận	Năm tuyển dụng		Nghề (Chức danh nghề nghiệp) hiện đang giữ	Trình độ chuyên môn cao nhất			Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chương chỉ, bồi dưỡng nghiệp vụ
		Nam	Nữ			Vào cơ quan nhà nước	Vào đơn vị đang làm việc		Trình độ đào tạo	Chuyên ngành được đào tạo	Liên đào tạo			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Lãnh đạo đơn vị													
1	Nguyễn Văn A...													
2	Nguyễn Văn B													
3	.....													
II	Phòng 1													
1	Nguyễn Văn X													
...	.....													
2														
III	Phòng 2													
1	Nguyễn Văn Y													
...	.....													

**Ghi chú:**

Cột 6: Sau khi đề án vị trí việc làm được phê duyệt thì thay "nhiệm vụ đang đảm nhận" bằng "vị trí việc làm đang đảm nhận"  
 Cột 9: Sau khi cơ quan có thẩm quyền ban hành chức danh nghề nghiệp thì ghi theo chức danh nghề nghiệp.

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

... ngày ... tháng ... năm ...  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)



ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP: .....  
ĐƠN VỊ BẢO CẢO: .....

Biểu số 5

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

(Ban hành kèm theo Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ)

Số TT	DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Chức danh lãnh đạo, quản lý (nếu có)	Chức danh nghề nghiệp tương ứng	Hạng của chức danh nghề nghiệp	Xác định số lượng người làm việc cần thiết
1	2	3	4	5	6
I	Tên vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành				
1	Vị trí cấp trưởng đơn vị sự nghiệp công lập				
2	Vị trí cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập				
3	Vị trí cấp trưởng đơn vị thuộc hoặc trực thuộc				
4	Vị trí cấp phó của người đứng đầu đơn vị thuộc hoặc trực thuộc				
II:	Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp				
1	Vị trí việc làm ....				
2	Vị trí việc làm ....				
.....	.....				
III	Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ				
1	Vị trí việc làm ....				
2	Vị trí việc làm ....				
.....	.....				

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP: .....**  
**ĐƠN VỊ BẢO CÁO: .....**

Điều số 6

**BẢN MÔ TẢ CÔNG VIỆC CỦA VỊ TRÍ VIỆC LÀM**

(Ban hành kèm theo Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ)

Số TT	Tên Vị trí việc làm	Công việc chính phải thực hiện		Sản phẩm đầu ra	
		Số TT	Tên công việc	Tên sản phẩm đầu ra	Kết quả thực hiện trong năm
1		3	4	5	6
1	Tên vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	1.1	Công việc thứ nhất		
1	Vị trí cấp trưởng đơn vị sự nghiệp công lập	1.2	Công việc thứ hai		
		...	.....		
2	Vị trí cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập	2.1	Công việc thứ nhất		
		3.1	Công việc thứ nhất		
3	Vị trí cấp trưởng đơn vị thuộc và trực thuộc	3.1	Công việc thứ ...		
		4.1	Công việc thứ nhất		
4	Vị trí cấp phó của người đứng đầu đơn vị thuộc và trực thuộc	...	Công việc thứ ...		
II	Tên vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp	5.1	Công việc thứ nhất		
1	Vị trí .....	...	Công việc thứ ...		
2	Vị trí .....	6.1	Công việc thứ nhất		
		...	Công việc thứ ...		
III	Tên vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	7.1	Công việc thứ nhất		
1	Vị trí .....	...	.....		

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP:**  
**ĐƠN VỊ BẢO CAO:**

**Biểu số 7**  
**KHUNG NĂNG LỰC CỦA VỊ TRÍ VIỆC LÀM .....**  
*(Ban hành kèm theo Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ)*

TT	Năng lực, kỹ năng	Ghi chú
1	2	3
1		
2		
3		
4		
5		
...		
....		
...		
...		
...		

Ghi chú: Cột 2 yêu cầu về năng lực, kỹ năng cần phải có để hoàn thành nhiệm vụ ở vị trí việc làm cụ thể, như: năng lực tổng hợp; năng lực giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tế của ngành; năng lực tập hợp, quy tụ; năng lực điều hành và phối hợp hoạt động; kỹ năng soạn thảo văn bản; ....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)



Số TT	Tên đơn vị	Tên cơ quan quyết định thành lập	Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp	Mức độ tự chủ	Số lượng người làm việc được giao năm ...				Số lượng người làm việc có mặt đến thời điểm 30/6/...				Kế hoạch số lượng người làm việc năm...				Tăng giảm giữa kế hoạch số lượng người làm việc năm ... so với số được giao năm...			
					Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
- Trường CD n																				
4	Trung cấp																			
- Trường TC I																				
...																				
- Trường TC n																				
5	Trung tâm																			
- Trung tâm I																				
...																				
- Trung tâm n																				
II	Y tế																			
1	Bệnh viện																			
- Bệnh viện I																				
....																				
- Bệnh viện n																				
2	Viện có giường																			
- Viện I																				
...																				



Số TT	Tên đơn vị	Tên cơ quan quyết định thành lập	Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp	Mức độ tự chủ	Số lượng người làm việc được giao năm ...				Số lượng người làm việc có mặt đến thời điểm 30/6/...				Kế hoạch số lượng người làm việc năm...				Tăng giảm giữa kế hoạch số lượng người làm việc năm ... so với số được giao năm...			
					Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/NĐ-CP
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
...																				
	- Đơn vị n																			
V	Các đơn vị sự nghiệp khác																			
1	Đơn vị 1																			
...																				
a	Đơn vị n																			

....., ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký tên)

**NGƯỜI ĐÚNG ĐÀU CƠ QUAN TỔ CHỨC CÁN BỘ**  
(Ký tên)

**NGƯỜI ĐÚNG ĐÀU BỘ, NGÀNH**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

Cách ghi biểu mẫu thực hiện như sau:

- Tại cột 1. Tên đơn vị

- Liệt kê đầy đủ và ghi chính xác về tên gọi của từng đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tại cột 2. Tên cơ quan quyết định thành lập

Ghi tên cơ quan hoặc chức danh của người ra quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tại cột 3: Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp

Ghi rõ cơ quan được giao quản lý cấp trên trực tiếp của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tại cột 4: Kinh phí hoạt động, loại hình đơn vị sự nghiệp công lập

Ghi rõ kinh phí hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước cấp 100%, một phần hay từ nguồn kinh phí tự có của đơn vị sự nghiệp. Đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ, gồm: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên. Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ, gồm: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm về chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên”.

- Tại cột 5, 6, 7, 8. Số lượng người làm việc được giao năm...

Ghi theo quyết định giao hoặc phân bổ của cơ quan có thẩm quyền giao biên chế công chức, viên chức và chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ cho đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó:

+ Cột 5: ghi tổng số lượng người làm việc được giao gồm: Những người là công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP;

+ Cột 6: ghi số biên chế công chức;

+ Cột 7: ghi số lượng viên chức;

+ Cột 8: ghi số hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tại cột 9, 10, 11, 12. Ghi số có mặt đến 30/6/...

Ghi số công chức, viên chức và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ có mặt tại thời điểm 30 tháng 6 của năm kế hoạch, trong đó:

+ Cột 9: ghi tổng số lượng người làm việc gồm những người là công chức, viên chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ;

+ Cột 10: ghi tổng số công chức;

+ Cột 11: ghi tổng số viên chức;

+ Cột 12: ghi tổng số lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tại cột 13, 14, 15, 16. Kế hoạch số lượng người làm việc năm...

Ghi kế hoạch tổng số lượng người làm việc gồm: biên chế công chức, số viên chức sự nghiệp và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ của năm lập kế hoạch, trong đó:

+ Cột 13: ghi tổng số lượng người làm việc gồm biên chế công chức, số viên chức sự nghiệp và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ;

+ Cột 14: ghi kế hoạch biên chế công chức;



- + Cột 15: ghi kế hoạch số viên chức sự nghiệp;
- + Cột 16: ghi kế hoạch hợp đồng lao động theo Nghị định số 48/2000/NĐ-CP của Chính phủ.
- Tại cột 17, 18, 19, 20. Tăng, giảm giữa kế hoạch biên chế năm ... so với biên chế được giao năm...  
Ghi kế hoạch tăng, giảm số lượng người làm việc gồm biên chế công chức, số viên chức sự nghiệp, chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ của năm lập kế hoạch so với số được giao hoặc phân bổ của năm kế hoạch, trong đó:
  - + Cột 17: ghi tổng số lượng người làm việc gồm tăng, giảm biên chế công chức, số viên chức và hợp đồng lao động quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ;
  - + Cột 18: ghi kế hoạch tăng, giảm biên chế công chức;
  - + Cột 19: ghi kế hoạch tăng, giảm số viên chức sự nghiệp;
  - + Cột 20: ghi kế hoạch tăng, giảm chỉ tiêu hợp đồng lao động quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ.



Số TT	Tên đơn vị	Tên cơ quan quyết định thành lập	Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp	Mức độ tự chủ	Số lượng người làm việc được giao năm ...				Số lượng người làm việc có mặt đến 30/6/...				Kế hoạch số lượng người làm việc năm ...				Tăng, giảm giữa kế hoạch số lượng người làm việc năm ... so với số được giao năm ...			
					Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
4	Trung tâm GDIX, Trung tâm dạy nghề																			
	- Trung tâm I																			
	...																			
	- Trung tâm n																			
5	Cơ sở giáo dục có tên gọi khác																			
	Đơn vị I																			
	...																			
	Đơn vị n																			
6	Giáo dục phổ thông																			
	a) Trường THPT																			
	- Trường I																			
	...																			
	- Trường n																			
	b) Trường trung học cơ sở																			
	- Trường I																			
	...																			
	- Trường n																			
	c) Trường tiểu học																			
	- Trường I																			

Số TT	Tên đơn vị	Tên cơ quan quyết định thành lập	Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp	Mức độ tự chủ	Số lượng người làm việc được giao năm ...				Số lượng người làm việc có mặt đến 30/6/...				Kế hoạch số lượng người làm việc năm ...				Tăng giảm giữa kế hoạch số lượng người làm việc năm ... so với số được giao năm ...			
					Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
7	Giao dục mầm non																			
	- Trường 1																			
	...																			
	- Trường n																			
	- Trường n																			
	II Y tế																			
	I Tuyển sinh																			
	a) Bệnh viện																			
	- Bệnh viện 1																			
	...																			
	- Bệnh viện n																			
	b) Y tế dự phòng																			
	- Trung tâm 1																			
	...																			
	- Trung tâm n																			
	2 Tuyển huyện																			
	a) Bệnh viện																			
	- Bệnh viện 1																			
	...																			

Số TT	Tên đơn vị	Tên cơ quan quyết định thành lập	Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp	Mức độ tự chủ	Số lượng người làm việc được giao năm ...				Số lượng người làm việc có mặt đến 30/6/...				Kế hoạch số lượng người làm việc năm ...				Tăng, giảm giữa kế hoạch số lượng người làm việc năm ... so với số được giao năm ...			
					Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	- Bệnh viện n																			
	b) Y tế dự phòng																			
	- Trung tâm 1																			
	...																			
	- Trung tâm n																			
3	Y tế xã, phường, thị trấn																			
	- Trạm 1																			
	...																			
	- Trạm n																			
III	Nghiên cứu khoa học																			
1	Viện																			
	- Viện 1																			
	...																			
	- Viện n																			
2	Trung tâm																			
	- Trung tâm 1																			
	...																			
	- Trung tâm n																			
IV	Văn hóa, thể thao																			
1	Đơn vị 1																			

Số TT	Tên đơn vị	Tên cơ quan quyết định thành lập	Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp	Mức độ tự chi	Số lượng người làm việc được giao năm ...				Số lượng người làm việc cả mãi đến 30/6/...				Kế hoạch số lượng người làm việc năm ...				Tăng, giảm giữa kế hoạch số lượng người làm việc năm ... so với số được giao năm ...			
					Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
n	Đơn vị n																			
V	Các đơn vị sự nghiệp khác																			
1	Đơn vị 1																			
...	...																			
n	Đơn vị n																			

..... ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký tên)

**GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**CHỦ TỊCH UBND TỈNH** .....

(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

Cách ghi biểu mẫu thực hiện như sau:

- Tại cột 1. Tên đơn vị
- Liệt kê đầy đủ và ghi chính xác về tên gọi của từng đơn vị sự nghiệp công lập.
- Tại cột 2. Tên cơ quan quyết định thành lập
- Ghi tên cơ quan hoặc chức danh của người ra quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.
- Tại cột 3: Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp
- Ghi rõ cơ quan được giao quản lý cấp trên trực tiếp của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tại cột 4: Kinh phí hoạt động, loại hình đơn vị sự nghiệp công lập

Ghi rõ kinh phí hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước cấp 100%, một phần hay từ nguồn kinh phí tự có của đơn vị sự nghiệp. Đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ, gồm: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên. Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ, gồm: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm về chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên”.

- Tại cột 5, 6, 7, 8. Số lượng người làm việc được giao năm...

Ghi theo quyết định giao hoặc phân bổ của cơ quan có thẩm quyền giao biên chế công chức, số viên chức và chi tiêu hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ cho đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó:

+ Cột 5: ghi tổng số lượng người làm việc được giao gồm: Những người là công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-

CP;

+ Cột 6: ghi số biên chế công chức;

+ Cột 7: ghi số lượng viên chức;

+ Cột 8: ghi số hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tại cột 9, 10, 11, 12. Có mặt đến 30/6/...

Ghi số công chức, viên chức và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ có mặt tại thời điểm 30 tháng 6 của năm kế hoạch, trong đó:

+ Cột 9: ghi tổng số lượng người làm việc gồm những người là công chức, viên chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ;

+ Cột 10: ghi tổng số công chức;

+ Cột 11: ghi tổng số viên chức;

+ Cột 12: ghi tổng số lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tại cột 13, 14, 15, 16 Kế hoạch số lượng người làm việc năm...

Ghi kế hoạch tổng số lượng người làm việc gồm: biên chế công chức, số viên chức sự nghiệp và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ của năm lập kế hoạch, trong đó:

+ Cột 13: ghi tổng số lượng người làm việc gồm biên chế công chức, số viên chức sự nghiệp và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ;

+ Cột 14: ghi kế hoạch biên chế công chức;

+ Cột 15: ghi kế hoạch số viên chức sự nghiệp;

+ Cột 16: ghi kế hoạch hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tại cột 17, 18, 19, 20. Tăng, giảm giữa kế hoạch số lượng người làm việc năm ... so với số lượng người làm việc được giao năm...

Ghi kế hoạch tăng, giảm số lượng người làm việc gồm biên chế công chức, số viên chức sự nghiệp, chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ của năm lập kế hoạch so với số được giao hoặc phân bổ của năm kế hoạch, trong đó:

- + Cột 17: ghi tổng số lượng người làm việc gồm tăng, giảm biên chế công chức, số viên chức và hợp đồng lao động quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ;
- + Cột 18: ghi kế hoạch tăng, giảm biên chế công chức;
- + Cột 19: ghi kế hoạch tăng, giảm số viên chức sự nghiệp;
- + Cột 20: ghi kế hoạch tăng, giảm chỉ tiêu hợp đồng lao động quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ.



BỘ, NGÀNH.....

BIỂU SỐ 9A

**TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP ĐƯỢC GIAO QUYỀN TỰ CHỦ NĂM.....**

STT	Tên cơ quan/đơn vị	Năm trước liên kế năm kế hoạch				Dự kiến năm kế hoạch			
		Tổng số	Công chức	Viên chức	HD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	HD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	<b>TỔNG SỐ</b>								
I	Lĩnh vực giáo dục- đào tạo								
1	Đơn vị.....								
2	Đơn vị.....								
	.....								
II	Lĩnh vực y tế								
1	Đơn vị.....								
2	Đơn vị.....								
	.....								
III	Sự nghiệp khác								
1	Đơn vị.....								

NGƯỜI LẬP BIỂU  
(Ký tên)

NGƯỜI ĐỪNG ĐẦU CƠ QUAN TÒ CHỨC CÁN BỘ  
(Ký tên)

NGƯỜI ĐỪNG ĐẦU BỘ, NGÀNH  
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày....., tháng.....năm.....

**Ghi chú:**  
Cách ghi biểu mẫu như sau:  
Cột 2 ghi tên đầy đủ tên đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ theo quy định tại Nghị định này.  
Cột (3) = Cột (4) + Cột (5) + Cột (6)  
Cột (7) = Cột (8) + Cột (9) + Cột (10)

TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG.....

BIỂU SỐ 9B

**TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP ĐƯỢC GIAO QUYỀN TỰ CHỦ NĂM.....**

STT	Tên cơ quan/đơn vị	Năm trước liền kề năm kế hoạch				Dự kiến năm kế hoạch			
		Tổng số	Công chức	Viên chức	HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
<b>TỔNG SỐ</b>									
<b>I Lĩnh vực giáo dục- đào tạo</b>									
1	Đơn vị.....								
2	Đơn vị.....								
.....									
<b>II Lĩnh vực y tế</b>									
1	Đơn vị.....								
2	Đơn vị.....								
.....									
<b>III Sự nghiệp khác</b>									
1	Đơn vị.....								

NGƯỜI LẬP BIỂU  
(Ký tên)

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ  
(Ký tên)

....., ngày ....., ngày.....tháng .....năm.....  
CHỦ TỊCH UBND TỈNH.....  
(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**  
Cách ghi biểu mẫu như sau:  
Cột 2 ghi tên đầy đủ tên đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ theo quy định tại Nghị định này.  
Cột (3) = Cột (4) + Cột (5) + Cột (6)  
Cột (7) = Cột (8) + Cột (9) + Cột (10)



STT	Tên đơn vị	Tên cơ quan quyết định thành lập	Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp	Mức độ tự chủ	Số lượng người làm việc được giao năm.....					Số lượng người làm việc có mặt đến thời điểm 31/12/.....				Số lượng người làm việc chưa thực hiện năm.....			
					Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
	1	2	3	4	5	6	6	6	7	7	8	9	10	11	12	13	
	- Trường CD n																
4	Trung cấp																
	- Trường TC I																
	...																
	- Trường TC n																
5	Trung tâm																
	- Trung tâm I																
	...																
	- Trung tâm n																
II	Y tế																
I	Bệnh viện																
	- Bệnh viện I																
	....																
	- Bệnh viện n																

STT	Tên đơn vị	Tên cơ quan quyết định thành lập	Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp	Mức độ tự chủ	Số lượng người làm việc được giao năm.....						Số lượng người làm việc có mặt đến thời điểm 31/12/.....			Số lượng người làm việc chưa thực hiện năm.....			
					Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
2	Viện có giường																
	- Viện 1																
	...																
	- Viện n																
3	Trung tâm																
	- Trung tâm 1																
	...																
	- Trung tâm n																
III	Nghiên cứu khoa học																
1	Viện																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13				
	- Viện 1																
	...																
	- Viện n																
2	Trung tâm																
	- Trung tâm 1																

STT	Tên đơn vị	Tên cơ quan quyết định thành lập	Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp	Mức độ tự chủ	Số lượng người làm việc được giao năm.....				Số lượng người làm việc có mặt đến thời điểm 31/12/.....				Số lượng người làm việc chưa thực hiện năm.....			
					Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/NĐ-CP
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
...																
	- Trung tâm n															
IV	Văn hóa, thể thao															
	- Đơn vị I															
...																
	- Đơn vị n															
V	Các đơn vị sự nghiệp khác															
I	Đơn vị I															
....																
a	Đơn vị n															

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký tên)

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN TỔ CHỨC CÁN BỘ**  
(Ký tên)

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU BỘ, NGÀNH**  
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Cách ghi biểu mẫu thực hiện như sau:

- Tại cột 1: Tên đơn vị

Liệt kê đầy đủ và ghi chính xác về tên gọi của từng đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tại cột 2. Tên cơ quan quyết định thành lập  
Ghi tên cơ quan hoặc chức danh của người ra quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tại cột 3: Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp

Ghi số cơ quan được giao quản lý cấp trên trực tiếp của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tại cột 4: Kinh phí hoạt động, loại hình đơn vị sự nghiệp công lập

Ghi rõ kinh phí hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước cấp 100%, một phần hay từ nguồn kinh phí tự có của đơn vị sự nghiệp. Đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ, gồm: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên. Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ, gồm: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm về chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên”.

- Tại cột 5, 6, 7, 8 Số lượng người làm việc được giao năm...

Ghi theo quyết định giao hoặc phân bổ của cơ quan có thẩm quyền giao số lượng viên chức và chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ cho đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó:

+ Cột 5: ghi tổng số lượng người làm việc được giao gồm: Những người là viên chức, lao động hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP;

+ Cột 6: ghi số lượng công chức;

+ Cột 7: ghi số lượng viên chức;

+ Cột 8: ghi số hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tại cột 9, 10, 11, 12 Ghi số có mặt đến 31/12/...

Ghi số viên chức và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ có mặt tại thời điểm 31 tháng 12 của năm kế hoạch, trong đó:

+ Cột 9: ghi tổng số lượng người làm việc gồm những người là viên chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ;

+ Cột 10: ghi tổng số công chức;

+ Cột 11: ghi tổng số viên chức;

+ Cột 12: ghi tổng số lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tại cột 13, 14, 15, 16: Số lượng người làm việc chưa thực hiện năm...

Ghi số lượng người làm việc chưa thực hiện gồm: số viên chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ của năm lập kế hoạch, trong đó:

+ Cột 13: ghi tổng số lượng người làm việc gồm số viên chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ;

+ Cột 14: ghi số công chức chưa thực hiện;

+ Cột 15: ghi số viên chức chưa thực hiện;

+ Cột 16: ghi số hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ chưa thực hiện.





STT	Tên đơn vị	Tên cơ quan quyết định thành lập	Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp	Mức độ tự chủ	Số lượng người làm việc được giao năm.....				Số lượng người làm việc có mặt đến thời điểm 31/12/.....				Số lượng người làm việc chưa thực hiện năm.....			
					Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	1															
...		2	3	4	5	6	6			7	8	9	10	11	12	13
	- Trường n															
4	Trung tâm GDTX, Trung tâm dạy nghề															
	- Trung tâm 1															
	...															
	- Trung tâm n															
5	Cơ sở giáo dục có tên gọi khác															
	Đơn vị 1															
	...															
	Đơn vị n															
6	Giáo dục phổ thông															
	a) Trường THPT															
	- Trường 1															
	...															

STT	Tên đơn vị	Tên cơ quan quyết định thành lập	Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp	Mức độ tự chủ	Số lượng người làm việc được giao năm.....				Số lượng người làm việc có mặt đến thời điểm 31/12/.....				Số lượng người làm việc chưa thực hiện năm.....			
					Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP
1	- Trường n	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
b) Trường trung học cơ sở																
- Trường 1																
...																
- Trường n																
c) Trường tiểu học																
- Trường 1																
...																
- Trường n																
1																
7	Giáo dục mầm non															
- Trường 1		2	3	4	5		6			7	8	9	10	11	12	13
...																
- Trường n																
II	V kế															
I	Tuyển tính															

STT	Tên đơn vị	Tên cơ quan quyết định thành lập	Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp	Mức độ tự chủ	Số lượng người làm việc được giao năm.....				Số lượng người làm việc có mặt đến (tới) điểm 31/12/.....				Số lượng người làm việc chưa thực hiện năm.....			
					Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
a) Bệnh viện																
- Bệnh viện I																
...																
- Bệnh viện n																
b) Y tế dự phòng																
- Trung tâm I																
...																
- Trung tâm n																
2. Tuyến huyện																
a) Bệnh viện																
- Bệnh viện I																
...																
- Bệnh viện n																
b) Y tế dự phòng																
- Trung tâm I																
...																

STT	Tên đơn vị	Tên cơ quan quyết định thành lập	Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp	Mức độ tự chủ	Số lượng người làm việc được giao năm.....						Số lượng người làm việc có mặt đến thời điểm 31/12/.....				Số lượng người làm việc chưa thực hiện năm.....			
					Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
	- Trung tâm n																	
3	Y tế xã, phường, thị trấn																	
	1																	
	- Trạm 1																	
	...																	
	- Trạm n																	
III	Nghiên cứu khoa học																	
1	Viên																	
	- Viên 1																	
	...																	
	- Viên n																	
2	Trung tâm																	
	- Trung tâm 1																	
	...																	
	- Trung tâm n																	
IV	Văn hóa, thể thao																	

STT	Tên đơn vị	Tên cơ quan quyết định thành lập	Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp	Mức độ tự chủ	Số lượng người làm việc được giao năm.....				Số lượng người làm việc có mặt đến thời điểm 31/12/.....				Số lượng người làm việc chưa thực hiện năm.....			
					Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	Đơn vị I															
...	...															
n	Đơn vị n															
V	Các đơn vị sự nghiệp khác															
I	Đơn vị I															
...	...															
n	Đơn vị n															

....., ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký tên)

**GIÁM ĐỐC SỐ NỘI VỤ**  
(Ký tên)

**CHỦ TỊCH UBND TỈNH.....**  
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Cách ghi biểu mẫu thực hiện như sau:

- Tại cột 1. Tên đơn vị

- Liệt kê đầy đủ và ghi chính xác về tên gọi của từng đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tại cột 2. Tên cơ quan quyết định thành lập

Ghi tên cơ quan hoặc chức danh của người ra quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tại cột 3: Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp

Ghi rõ cơ quan được giao quản lý cấp trên trực tiếp của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tại cột 4: Kinh phí hoạt động, loại hình đơn vị sự nghiệp công lập

Ghi rõ kinh phí hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước cấp 100%, một phần hay từ nguồn kinh phí tự có của đơn vị sự nghiệp. Đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ, gồm: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên. Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ, gồm: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm về chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên”.

- Tại cột 5, 6, 7, 8 Số lượng người làm việc được giao năm...

Ghi theo quyết định giao hoặc phân bổ của cơ quan có thẩm quyền giao số lượng viên chức và chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ cho đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó:

+ Cột 5: ghi tổng số lượng người làm việc được giao gồm: Những người là viên chức, lao động hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP;

+ Cột 6: ghi số lượng công chức;

+ Cột 7: ghi số lượng viên chức;

+ Cột 8: ghi số hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tại cột 9, 10, 11, 12 Ghi số có mặt đến 31/12/...

Ghi số viên chức và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ có mặt tại thời điểm 31 tháng 12 của năm kế hoạch, trong đó:

+ Cột 9: ghi tổng số lượng người làm việc gồm những người là viên chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ;

+ Cột 10: ghi tổng số công chức;

+ Cột 11: ghi tổng số viên chức;

+ Cột 12: ghi tổng số lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tại cột 13, 14, 15, 16: Số lượng người làm việc chưa thực hiện năm...

Ghi số lượng người làm việc chưa thực hiện gồm: số viên chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ của năm lập kế hoạch, trong đó:

+ Cột 13: ghi tổng số lượng người làm việc gồm số viên chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ;

+ Cột 14: ghi số công chức chưa thực hiện;

+ Cột 15: ghi số viên chức chưa thực hiện;

+ Cột 16: ghi số hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ chưa thực hiện.